TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2017/DS-ST
Ngày: 06/9/2017.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Thưa.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Lê Thị Vân.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 251/2017/TLST–DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2017/QĐXX-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2017/ QĐST–DS ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Hộ, xã H, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn T**,** sinh năm 1966 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp 9, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày: Vào tháng 10 năm 2015 âm lịch anh có cho vợ chồng anh T, chị X vay 90.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả vốn, khi vay không có làm giấy tờ gì. Sau khi vay vợ chồng anh T, chị X trả cho anh N được 5 tháng tiền lãi thì ngưng nên anh N yêu cầu anh T, chị X làm biên nhận nợ ngày 19/3/2016 âm lịch, hẹn ngày 19/02/2017 âm lịch sẽ trả tiền cho anh nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Anh N yêu cầu anh T, chị X trả lại 90.000.000 đồng

tiền vốn và 40.500.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa anh N rút lại yêu cầu đòi anh T chị X trả 40.500.000 đồng tiền lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị X trình bày: Vào tháng 10 năm 2015 âm lịch vợ chồng chị có vay của anh N 90.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, hẹn một tháng sau sẽ trả vốn, không có làm giấy tờ. Sau khi vay vợ chồng chị có trả cho anh N khoảng 40.000.000 đồng tiền lãi, khi trả lãi không có làm giấy tờ, thời gian trả chị cũng không N. Đến khi vợ chồng chị không có trả tiền lãi cho anh N thì có làm giấy nợ do anh T viết vợ chồng chị cùng ký tên ngày 19 tháng 3 năm 2016 âm lịch, hẹn ngày 19 tháng 02 năm 2017 âm lịch sẽ trả tiền cho anh N nhưng đến nay vẫn không thực hiện được. Nay vợ chồng chị X, anh T đồng ý trả cho anh N 90.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên xin được trả làm nhiều lần, cụ thể hàng tháng trả 2.000.000 đồng, trả dần cho đến khi hết số nợ trên.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn T trình bày: Thống nhất như lời trình bày của chị X, không có bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh N có đơn khởi kiện đối với anh T, chị X. Anh T, chị X có địa chỉ tại địa bàn huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh N có đơn khởi kiện đối với anh T và chị X về tiền vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản".

[3]. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án tống đạt đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị X.

[4]. Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn yêu cầu anh T, chị X trả lại 90.000.000 đồng tiền vốn, Hội đồng xét xử nhận thấy anh N có cho anh T, chị X vay số tiền là 90.000.000 đồng và bị đơn cũng thừa nhận có vay, có làm giấy nhận nợ ngày 19 tháng 03 năm 2016 âm lịch. Anh N cho rằng anh T, chị X kéo dài đến nay là cố tình né tránh không trả nợ nên anh yêu cầu anh T, chị X trả lại anh số tiền 90.000.000 đồng vốn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa chị X, anh T vắng mặt nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh, chị đồng ý trả số tiền 90.000.000 đồng theo yêu cầu anh N, tuy nhiên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, còn trả theo yêu cầu của anh N thì không có khả năng vì hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn. Nguyên đơn anh N không chấp nhận cho anh T, chị X trả dần. Xét thấy số tiền trên anh T, chị X vay đã lâu, khi vay các bên đã thỏa thuận trong vòng một tháng sẽ trả vốn, nay

bị đơn xin trả dần là cố tình kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của anh T, chị X mà cần chấp nhận yêu cầu của anh N, buộc anh T và chị X trả số tiền 90.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T, chị X trình bày vợ chồng chị đã trả cho anh N khoảng 40.000.000 đồng tiền lãi, nhưng khi trả không có làm biên nhận và việc này anh N không thừa nhận. Ngoài lời trình bày ra anh T, chị X không có chứng cứ gì chứng minh là đã trả số tiền trên cho anh N, nên lời trình bày của vợ chồng chị X là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh mức lãi suất vượt quá quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2017 anh N yêu cầu Tòa án giải quyết tính lãi suất từ ngày 19 tháng 03 năm 2016 âm lịch đến ngày xét xử là 40.500.000 đồng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh N xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với anh T, chị X. Xét thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của anh N; nếu sau này anh N khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Anh N không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N.

- Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn N 90.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Trần Văn N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T, chị X còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Đều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu chị X, anh T trả 40.500.000 đồng tiền lãi của anh Trần Văn N.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị X phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại anh Trần Văn N 3.262.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14622 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thưa